

Bản án số: 377/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 05 tháng 9 năm 2022

V/v: Tranh chấp ly hôn, con chung

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Thái Thị Hà Thu

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà: Nguyễn Thị Hà

Bà: Đào Thị Minh

**- Thư ký phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Thiện Phúc – thư ký Tòa án nhân dân huyện G

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Nhiên - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 400/2021/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2021 về Tranh chấp ly hôn và con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2022/QĐXXST- HNGĐ, ngày 09 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 86/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 26/8/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Chí C, sinh năm 1978

Đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: nhà số 6 (nay là số 11), ngõ 125 tổ dân phố A, thị trấn T, huyện G, Hà Nội.

Bị đơn: Chị Lê Thị L, sinh năm 1981

Đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: nhà số 6 (nay là số 11), ngõ 125 tổ dân phố A, thị trấn T, huyện G, Hà Nội.

(Đều có mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong Đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 05/11/2021, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân huyện G cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Nguyên đơn – anh Nguyễn Chí C trình bày:

*Về quan hệ hôn nhân:* anh và chị Lê Thị L, sinh năm 1981 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là thị trấn T), huyện G, Hà Nội ngày 11/12/2001. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh sống hạnh phúc đến năm 2008 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, đến năm 2019 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, cách sống, thường xuyên xảy ra tranh chấp, cãi vã. Chị L còn có biểu hiện ngoại tình với người đàn ông khác ở bên ngoài nhưng anh cũng chưa có chứng cứ để cung cấp cho Tòa án. Chị L còn không chăm lo, quan tâm chăm sóc cho gia đình, mọi công việc gia đình và kinh tế do anh là trụ cột khiến anh rất mệt mỏi, căng thẳng nhưng anh chấp nhận chịu đựng vì anh muốn đợi các con trưởng thành, lập gia đình hết thì anh mới tính đến việc ly hôn chị L. Nhưng do mâu thuẫn quá nặng nề, căng thẳng và không còn tình cảm khiến anh không thể chịu đựng được nên vợ chồng anh đã ly thân tuy vẫn ở cùng nhà nhưng khác phòng, không ngủ chung, cắt đứt hẳn quan hệ sinh lý với nhau, kinh tế tách bạch từ năm 2020 cho đến nay. Khoảng 06 tháng trở lại đây anh không ở cùng nhà với chị L nữa mà ở tại nơi kinh doanh cây. Vợ chồng không thể ngồi nói chuyện được với nhau để bàn cách giải quyết vì mâu thuẫn đã rất lâu và trầm trọng nên không thể giải quyết được. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng với chị L đã hết, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị L.

*Về con chung:* Vợ chồng anh có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thu Tr, sinh ngày 09/10/2002 và cháu Nguyễn Tùng D, sinh ngày 03/02/2005. Cháu Tr đã lập gia đình riêng, cháu D đang ở cùng anh. Khi ly hôn anh có nguyện vọng được chăm sóc và nuôi dưỡng cháu D, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung vợ chồng:* Anh tự thỏa thuận với chị L và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung vợ chồng:* Vợ chồng anh không nợ ai và không ai nợ vợ chồng anh nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Ngoài ra anh không còn yêu cầu và không trình bày nội dung nào nữa.

Bị đơn là chị Lê Thị L trình bày lời khai trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân huyện G cũng như tại phiên tòa sơ thẩm như sau:

*Về quan hệ hôn nhân:* Về việc đăng lý kết hôn, chị L có lời khai thống nhất với anh C.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Từ khi kết hôn với anh C kết hôn, chị ở nhà nội trợ, chăm sóc con cái còn anh C làm kinh tế, kinh doanh cây lo cho gia đình. Vợ chồng chị sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C không chung thủy, ngoại tình hết người này đến người khác diễn ra nhiều năm, cứ 2-3 năm lại ngoại tình với 1 người phụ nữ khác nhau. Chị đã khuyên bảo anh C nhiều lần nhưng anh C vẫn chứng nào tật đó khiến chị mệt mỏi, mặc kệ anh C để con cái có đủ bố, mẹ. Đầu năm 2021, chị nghe thợ làm vườn thuê cho nhà chị nói anh C lại ngoại tình với khách mua cây là chị Đỗ Thị H, chở chị H đi khắp nơi nhưng anh C không thừa nhận, Khoảng tháng 5/2021, do quá bức xúc nên chị đuổi chị H, không

bán cây cho chị H nữa dẫn đến chị và chị H xô xát nhau nhưng anh C mặc kệ, không can thiệp gì. Sau đó, anh C lại ngoại tình với 1 chị tên B (chị không biết nhà ở đâu), anh C không thừa nhận. Mâu thuẫn vợ chồng chị ngày càng trầm trọng, có lần mâu thuẫn, anh C đánh chị bằng tay không nhưng chị không bị thương tích gì nhiều nên chị không đi khám ở bệnh viện nào và chị không có yêu cầu gì. Từ năm 2021, do mâu thuẫn trầm trọng nên vợ chồng chị ly thân, cắt đứt hẳn quan hệ sinh lý với nhau. Thời gian đầu vợ chồng vẫn ở cùng nhà nhưng ngủ riêng, kinh tế tách bạch nhưng cách đây vài tháng, anh C không ở nhà nữa mà ở vườn cây, nơi kinh doanh. Nay anh C yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, chị xác định tình cảm vợ chồng với anh C không còn nhưng vì con nên chị không đồng ý ly hôn với anh C, chị cũng không đưa ra biện pháp đoàn tụ nào cả, chị muốn vợ chồng cứ ly thân như hiện nay, anh C ngoại tình với ai cũng được, chị không quan tâm, không có nhu cầu tình cảm cũng như quan hệ sinh lý với anh C để con cái có một gia đình đầy đủ bố, mẹ vẫn ở cùng nhà, chỉ cần anh C không ly hôn. Nếu anh C muốn ly hôn thì phải thỏa thuận với chị về con chung và tài sản chung xong thì chị mới đồng ý ly hôn, nếu không thỏa thuận được thì chị không đồng ý ly hôn.

Về việc anh C trình bày là chị có ngoại tình là hoàn toàn sai sự thật, anh C thì phải có chứng cứ xuất trình cho Tòa án.

*Về con chung:* Vợ chồng chị có 02 con chung đúng như anh C trình bày. Nếu phải ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu D, không yêu cầu anh C đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung, anh C đóng góp tiền nuôi con cho chị cũng được mà không đóng cũng được. Chị không đồng ý để anh C nuôi dưỡng cháu D vì anh C nay cặp kè với người phụ nữ này, mai cặp kè với người phụ nữ khác thì không thể chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D tốt được.

*Về tài sản chung vợ chồng:* Hiện nay chị vẫn chưa thỏa thuận được với anh C. Nếu chị không thỏa thuận được thì chị sẽ làm thủ tục khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với vụ án này, Tòa án đã kiên trì hòa giải 02 lần giữa nguyên đơn và bị đơn về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản chung nhưng không thành.

*Tại phiên tòa ngày hôm nay:*

Chị Lê Thị L thừa nhận vợ chồng đã mâu thuẫn nặng nề, không nói chuyện được với nhau. Quá trình giải quyết tại Tòa, chị xác định không còn tình cảm với anh C nhưng không đồng ý ly hôn vì thương con. Nay chị nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã quá căng thẳng nên chị đồng ý ly hôn nhưng chị đề nghị anh C để chị được tiếp tục kinh doanh hai vườn cây ở thị trấn T để chị có nguồn sinh sống, ngoài ra chị không còn yêu cầu nào khác. Anh C đồng ý để chị L được tiếp tục kinh doanh hai vườn cây như chị yêu cầu và cam kết không cản trở việc kinh doanh của chị.

Anh C và chị L đều xác định tình cảm vợ chồng đã hết và thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh C và chị L thống nhất là anh C tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Tùng D, sinh ngày 03/02/2005 và không yêu cầu chị L đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung vợ chồng: Anh C và chị L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện G phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng các quy định của pháp luật về thủ tục Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Người tham gia tố tụng tại phiên tòa, Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử nghị án.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội; khoản 1 Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị ghi nhận sự thuận tình ly hôn của anh Nguyễn Chí C và chị Lê Thị L.

Về con chung: anh Nguyễn Chí C được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu cháu Nguyễn Tùng D, sinh ngày 03/02/2005. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu D của chị L cho đến khi cháu D trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có yêu cầu mới.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thẩm quyền*: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 – Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân.

Trong vụ án, bị đơn là chị Lê Thị L có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại huyện G, căn cứ vào Điều 35, Điều 39 và Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của tòa án nhân dân huyện G, thành phố Hà Nội.

[2]. Về phạm vi, yêu cầu khởi kiện: Anh C yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung vợ chồng.

Quá trình giải quyết vụ án, chị L có lời khai về việc nếu không thoả thuận được về tài sản chung vợ chồng với anh C thì chị sẽ làm thủ tục khởi kiện. Tòa án đã thông báo về việc khởi kiện chia tài sản chung vợ chồng cho chị L theo quy định của pháp luật nhưng chị L không có bất cứ yêu cầu gì mà chỉ muốn tự thoả thuận về việc kinh doanh vườn cây với anh C nên HĐXX chỉ xem xét trong phạm vi, yêu cầu khởi kiện của đương sự.

[3]. *Về quan hệ hôn nhân*: anh Nguyễn Chí C và chị Lê Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là thị trấn T), huyện G, thành phố Hà Nội ngày 11/12/2001. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4]. *Về nguyên nhân mâu thuẫn*: Căn cứ vào những lời khai của anh C, chị L và các biên bản làm việc của Tòa án với Chính quyền địa phương, đều thể hiện:

Anh Nguyễn Chí C và chị Lê Thị L quá trình chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Anh C cho rằng chị L có quan hệ ngoại tình, chị L cũng cho rằng anh C ngoại tình nhưng không ai xuất trình được căn cứ. Điều đó thể hiện vợ chồng đã mất lòng tin vào nhau, không ai tin tưởng ai. Chính vì vậy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, hai vợ chồng không nói chuyện được với nhau, không tìm được tiếng nói chung. Vì con nên cả hai anh chị đã phải chịu đựng nhau nhiều năm. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng từ năm 2021, anh chị liên tục cãi vã nhau, mất lòng tin vào nhau hoàn toàn. Vợ chồng cắt đứt hẳn quan hệ sinh lý với nhau từ tháng 5/2021 đến nay. Anh C xác định tình cảm vợ chồng với chị L đã hết và yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị L. Quá trình giải quyết vụ án, chị L mặc dù xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng không đồng ý ly hôn, chị chấp nhận ly thân. Tại phiên tòa, anh C và chị L đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và thuận tình ly hôn.

Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”. Như vậy, mục đích hôn nhân của vợ chồng của anh C và chị L không đạt được, anh C yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và chị L đồng ý.

[5]. *Về con chung*: Căn cứ vào lời khai Công, chị L và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ xác định: Anh C và chị L có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thu Tr, sinh ngày 09/10/2002 và cháu Nguyễn Tùng D, sinh ngày 03/02/2005. Cháu Tr đã trưởng thành đủ 18 tuổi, các đương sự không có yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét, giải quyết. Anh C và chị L thoả thuận là anh C tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu D, anh C không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung nên cần giao cháu D cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng là hợp tình, hợp lý và phù hợp với nguyện vọng của cháu D, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị L cho đến khi cháu D trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có yêu cầu mới.

[6]. *Về tài sản chung vợ chồng*: Anh C và chị L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Các đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

Tại phiên toà, anh C và chị L đã thống nhất thuận tình ly hôn, thoả thuận được với nhau về con chung và đều không yêu cầu Toà án giải quyết tài sản chung vợ chồng. Xét việc thoả thuận của các đương sự tại phiên toà là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên HĐXX chấp nhận và cần ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự.

[7]. Anh C phải chịu án phí ly hôn theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 55, Điều 81, 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Luật thi hành án.

#### **Xử:**

1. Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của của anh Nguyễn Chí C với chị Lê Thị L. Anh Nguyễn Chí C được ly hôn với chị Lê Thị L.

Quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Anh C và chị L có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Thu Tr, sinh ngày 09/10/2002 và cháu Nguyễn Tùng D, sinh ngày 03/02/2005. Cháu Tr đã trưởng thành đủ 18 tuổi, nên HĐXX không xem xét, giải quyết. Giao cháu Nguyễn Tùng D, sinh ngày 03/02/2005 cho anh Nguyễn Chí C được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với chị Lê Thị L cho đến khi cháu D trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có yêu cầu mới.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết. Các đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Chí C phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh C đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2020/0072923, ngày 18/11/2021 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện G nay được chuyển thành án phí. Anh C không phải nộp thêm tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn và bị đơn. Báo cho anh Nguyễn Chí C và chị Lê Thị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi gửi:***

- Những người tham gia tố tụng
- Toà án nhân dân TP Hà Nội
- VKSND TP.Hà Nội
- VKSND huyện G
- T.H.A DS huyện G
- UBND TT T, G, HN (ĐKKH

số 81, ngày 11/12/2001)

- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Thái Thị Hà Thu**